

SmartTrade

KHI  
**AI CŨNG BIẾT**  
RẰNG  
**AI CŨNG BIẾT**

*WHEN EVERYONE KNOWS  
THAT EVERYONE KNOWS*

THỰC CHUY  
BỊ AN V

**WHEN EVERYONE KNOWS THAT EVERYONE KNOWS . . .**

Copyright © 2025 by Steven Pinker. All rights reserved.

**KHI AI CŨNG BIẾT RẰNG AI CŨNG BIẾT**

**Tri thức chung và những bí ẩn về tiền bạc, quyền lực và đời sống**

Tác giả: Steven Pinker

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2025

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2025

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

**Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam - thành viên của Alpha Publishing Group.**

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng, Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

---

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Pinker, Steven

Khi ai cũng biết rằng ai cũng biết = When everyone knows that everyone knows : Tri thức chung và những bí ẩn về tiền bạc, quyền lực và đời sống / Steven Pinker ; Song Tử dịch. - H. : Dân trí ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2025. - 356 tr. ; 24 cm

1. Xã hội học 2. Nhận thức

302.12 - dc23

DTL0225p-CIP

---

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: [info@omegaplus.vn](mailto:info@omegaplus.vn)

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: [truyenthong@omegaplus.vn](mailto:truyenthong@omegaplus.vn)

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: [dichvu@omegaplus.vn](mailto:dichvu@omegaplus.vn)

NEW YORK TIMES BESTSELLER

STEVEN PINKER

Song Tử dịch

KHI  
AI CŨNG BIẾT  
RẰNG  
AI CŨNG BIẾT

WHEN EVERYONE KNOWS  
THAT EVERYONE KNOWS

TRI THỨC CHUNG  
VÀ NHỮNG BÍ ẨN VỀ TIỀN BẠC,  
QUYỀN LỰC VÀ ĐỜI SỐNG

⊕ MEGA<sup>+</sup>  NHÀ XUẤT BẢN  
DÂN TRÍ

## **ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+**

Chịu trách nhiệm xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách xuất bản: Hà Thị Kim Ngân

Điều phối xuất bản: Nguyễn Hương

Phụ trách bản quyền: Kim Ngân, Thiên Hương

Biên tập viên: Duy Anh

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thư

Thư ký xuất bản: Bùi Huyền

**ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG**



<https://www.facebook.com/tramdocvn>  
website: <http://tramdoc.vn/>

## *Mục lục*

- 7 *Lời nói đầu*
- 11 *Chương 1. Hoàng đế, con voi  
và chiếc bánh Matzo*
- 54 *Chương 2. Tri thức chung và lễ thường*
- 89 *Chương 3. Trò chơi và thú vui*
- 115 *Chương 4. Đọc ý nghĩ của một người  
đọc ý nghĩ*
- 163 *Chương 5. Vấn đề quan hệ xã hội*
- 205 *Chương 6. Khóc, cười, đỏ mặt và  
những cái nhìn giận dữ*
- 246 *Chương 7. Những lời lấp lửng*
- 278 *Chương 8. Bản năng tẩy chay*
- 299 *Chương 9. Sự thật tuyệt đối và  
sự giả dối hợp lý*
- 318 *Chú thích*
- 341 *Tài liệu tham khảo*
- 360 *Mục từ tra cứu*



## Lời nói đầu

À một nhà khoa học nhận thức, tôi đã dành cả cuộc đời mình để tìm hiểu cách con người suy nghĩ. Vì thế, chủ đề khiến tôi say mê nhất hẳn là cách con người suy nghĩ về việc người khác đang nghĩ gì, rồi cách họ nghĩ về việc người khác nghĩ rằng họ đang nghĩ gì, và thậm chí là cách họ nghĩ về việc người khác nghĩ rằng họ nghĩ rằng họ đang nghĩ gì. Tuy quá trình tư duy này nghe có vẻ rắc rối nhưng chúng ta vẫn thực hiện nó hằng ngày, ít nhất là một cách ngầm hiểu, và trong chừng mực mà nó được gọi bằng thuật ngữ *tri thức chung* (common knowledge).

Bắt nguồn từ lý thuyết trò chơi và triết học, lý thuyết về tri thức chung có thể làm sáng tỏ vô vàn điều bí ẩn trong đời sống xã hội loài người. Tôi lần đầu tiếp cận khái niệm này thông qua mối quan tâm cá nhân đến ngôn ngữ trong quá trình viết tác phẩm *The Stuff of Thought* (Bản chất của tư duy). Từ lâu, tôi đã tự hỏi vì sao con người thường không nói thẳng ra điều họ muốn trên mặt chữ, mà lại che giấu chủ đích trong những lời bóng gió hay nước đôi rồi trông cậy vào việc người nghe sẽ tự đọc ra ẩn ý. Câu trả lời, như tôi từng đề xuất, là những lời nói thẳng thắn sẽ tạo ra tri thức chung, còn những cách nói vòng vo thì không; và chính tri thức chung mới là yếu tố xác lập hoặc phá vỡ các mối quan hệ xã hội.

Trong cuốn sách này, tôi sẽ mở rộng lý thuyết đó và chỉ ra cách tri thức chung lý giải những đặc trưng cốt lõi trong tổ chức xã hội, chẳng hạn như quyền lực chính trị hay thị trường tài chính;

một số “thiết kế” đặc biệt của bản tính con người như tiếng cười và nước mắt; cùng vô số điều thú vị trong cả đời sống riêng tư lẫn công cộng, như bong bóng và khủng hoảng, sự nóng giận khi tham gia giao thông, những khoản quyền góp ẩn danh, những lời tạm biệt lê thê, những cuộc cách mạng không biết từ đâu mà có, những đám đông trên mạng xã hội chuyên bêu riếu và cả văn hóa “tẩy chay” trong giới học thuật. Khi bạn đọc xong cuốn sách này, tôi hy vọng bạn sẽ có đủ công cụ để hiểu được cả những hiện tượng mà tôi chưa kịp giải thích, chẳng hạn như thao túng tâm lý (gaslighting), hiện tượng nổi tiếng kiểu Kardashian (nổi tiếng chỉ vì... nổi tiếng), sự phẫn nộ giả tạo (“Trời ơi, tôi không thể tin nổi, không thể tin nổi là ở đây lại có đánh bạc!”), những “làn ranh đỏ” trong quan hệ quốc tế, và sự khác biệt về mặt tâm lý giữa “cc” và “bcc” trong quy tắc sử dụng email.

Tôi muốn thuyết phục độc giả rằng phạm vi rộng lớn này không phải là dấu hiệu của bệnh “ham giải thích”. Khái niệm tri thức chung thực sự có sức mạnh như vậy. Nó là một “kỳ công” về trí óc, có thể lý giải một trong những đặc điểm nổi bật nhất của cái gọi là tình trạng làm người (human condition): những bộ óc riêng lẻ có thể tìm được cách phối hợp lựa chọn vì lợi ích chung, cho phép loài người phát triển trong những cộng đồng, từ một cặp tình nhân cho tới cả một xã hội rộng lớn. Tôi hy vọng sẽ làm rõ được rằng, nhiều sự hòa hợp cũng như xung đột của chúng ta đều bắt nguồn từ nỗ lực tạo ra, duy trì hoặc ngăn ngừa tri thức chung.



Đây là cuốn sách phổ thông thứ hai của tôi dựa trên những nghiên cứu do chính tôi thực hiện, và cũng như với cuốn *Words and Rules* (Từ ngữ và quy tắc), tôi xin trân trọng dành tặng nó cho các học viên cao học và sau tiến sĩ đã cộng tác cùng tôi trong quá trình nghiên cứu. Mọi giáo sư đều hiểu rằng điều tuyệt vời nhất trong nghề là được học hỏi từ sinh viên, và trong hành trình nghiên

cứu này tôi đã may mắn được học hỏi từ Julian De Freitas, Peter DeScioli, Omar Sultan Haque, Moshe Hoffman, Yuhui Huang, James Lee, Miriam Lindner, Maxim Massenkoff, Jason Nemirow, Laura Niemi, Lawrence Ian Reed, Kyle Thomas và Dylan Tweed. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Peter DeScioli vì những góp ý sắc sảo và sâu sắc của anh dành cho bản nháp đầu tiên.

Nhiều người đã tận tình chia sẻ kiến thức chuyên môn của mình; đó là Scott Aaronson, Robert John Aumann, Herbert Clark, Peter DeScioli, Rebecca Goldstein, Dacher Keltner, Eric Maskin, Dov Samet và Jeannie Suk Gersen. Nhiều người khác cũng đã đóng góp ý kiến quý báu cho bản thảo các chương sách; đó là Charleen Adams, Cory Clark, Tyler Cowen, Alan Fiske, Komi Frey, Robin Hanson, Moshe Hoffman, Greg Lukianoff, Michael Macy, Jason Nemirow, Bruce Schneier, Dan Sznycer và Jessica Tracy. Cũng có những người sẵn lòng giải đáp thắc mắc hoặc đưa ra những gợi ý hữu ích; đó là Paul Bloom, Yi-Chia Chen, Eve Clark, Jeffrey Frieden, Bill Gates, Andrew Gelman, Joshua Goldstein, Marc Hauser, Coleman Hughes, Jillian Jordan, Peter Kinderman, Gary King, Sarah Kious, Louis Liebenberg, Lucy Matthew, Dani Passow, Dan Schacter, Fred Shapiro, Richard Shweder, Lawrence Summers, Philip Tetlock, Jeffrey Watumull, David Wolpe và Hirschy Zarchi. Bob Woods đã hỗ trợ đắc lực trong việc tìm kiếm tài liệu cho việc nghiên cứu và thư mục tham khảo. Ilavenil Subbiah đã thiết kế những hình ảnh tinh tế. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả mọi người.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến biên tập viên của mình tại Scribner, Rick Horgan, vì sự khích lệ và chỉ dẫn tận tình, cũng như người bạn thân đồng thời là đại diện tác giả của tôi là John Brockman. Đặc biệt, xin cảm ơn Katya Rice, người đã biên tập bản thảo này – đây là lần cộng tác thứ mười của chúng tôi trong suốt 40 năm qua.

Trong khi tôi viết cuốn sách này, ba người mà tôi từng trân trọng đề tặng trong các tác phẩm trước đã qua đời. Đây cũng là cuốn

sách phổ thông đầu tiên mà mẹ tôi, Roslyn Wiesenfeld Pinker, độc giả đầu tiên và cũng là độc giả giả tưởng quan trọng nhất của tôi, đã không đọc và góp ý. Tôi cũng đã mất đi hai người bạn thân thiết và là nguồn cảm hứng trí tuệ lớn lao là John Tooby và Donald Symons. Tất cả họ đều đã để lại dấu ấn trong cuốn sách qua các ví dụ, ý tưởng và quan điểm của mình. Hai người có ảnh hưởng lớn khác, Daniel Dennett và Daniel Kahneman, cũng là những người tôi vô cùng thương nhớ.

Nguồn cảm hứng trí tuệ lớn nhất của tôi chính là người bạn đời Rebecca Newberger Goldstein, người luôn giúp tôi nhận ra đâu là điều thực sự quan trọng cả trong học thuật và đời sống. Tôi cũng trân trọng gửi lời tri ân đến gia đình thân yêu của mình: Yael, Solly, Danielle, Kai, Susan, Martin, Eva, Carl, Eric, Rob, Kris, Jack và David.

## CHƯƠNG 1

# *Hoàng đế, con voi và chiếc bánh Matzo*

*Tri thức chung là gì, và vì sao nó quan trọng*

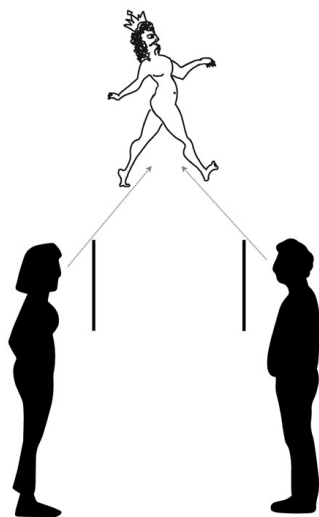
Khi thốt lên rằng hoàng đế không mặc gì cả, cậu bé không nói ra với đám đông điều gì mới mẻ. Nhưng dù vậy, cậu vẫn làm giàu thêm cho tri thức của họ. Bằng việc buột miệng nói ra điều mà ai cũng nhìn thấy ngay giữa đám đông, cậu đã đảm bảo rằng giờ đây họ biết mọi người *khác* đều biết điều họ biết, rằng mọi người đều biết rằng mọi người đều biết điều đó, và cứ thế tiếp diễn. Và điều đó đã thay đổi mối quan hệ của họ với hoàng đế, từ tôn kính phục tùng sang chế giễu và khinh miệt.<sup>1</sup>

Câu chuyện bắt hủ của Hans Christian Andersen khai thác một sự phân biệt logic rất quan trọng. Với *tri thức riêng*, A biết một điều, và B cũng biết điều đó. Với *tri thức chung*, A biết một điều và B cũng biết điều đó, nhưng hơn thế, A biết rằng B biết điều đó, và B biết rằng A biết điều đó. Và thêm nữa, A biết rằng B biết rằng A biết điều đó, và B biết rằng A biết rằng B biết điều đó, và vòng lặp ấy tiếp diễn không hồi kết.<sup>2</sup>

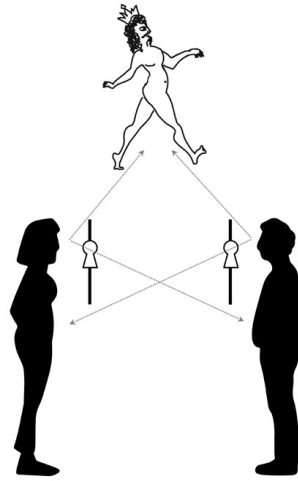
“Bộ quần áo mới của hoàng đế” đã làm nổi bật hai đặc tính của tri thức chung khiến nó không chỉ là một khái niệm logic đáng kinh ngạc mà còn là mấu chốt để hiểu đời sống xã hội loài người. Thứ

nhất, tri thức chung không cần được suy ra từ một chuỗi vô tận những lớp suy nghĩ về tâm trí người khác (“Tôi biết rằng anh biết rằng tôi biết rằng anh biết..”), điều vốn vượt quá khả năng của mọi người phàm. Nó có thể được tạo ra tức thì nhờ một sự kiện đáng chú ý, chẳng hạn một câu nói thẳng thừng được thốt ra nơi công cộng. Thứ hai, sự khác biệt giữa tri thức riêng, cho dù có được chia sẻ rộng rãi, và tri thức chung không chỉ là một sự tinh tế về logic. Nó có khả năng kết nối mọi người, khiến họ cùng nhau hành động, và đôi khi có thể phá vỡ một hiện trạng xã hội.

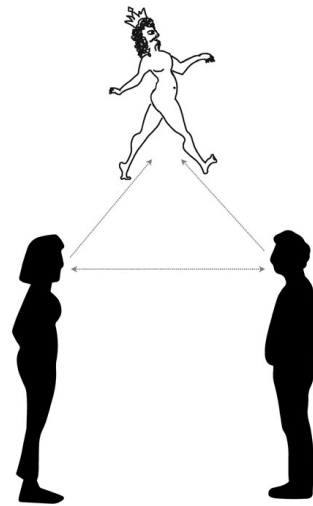
Để làm rõ sự khác nhau giữa các dạng tri thức, hãy thử hình dung chúng qua các hình minh họa sau đây, trong đó “biết” được hình tượng hóa thành “thấy”. Đầu tiên là hình vẽ về tri thức riêng: mỗi người quan sát đều thấy một điều gì đó, nhưng không ai thấy được việc người kia cũng đang nhìn thấy nó:



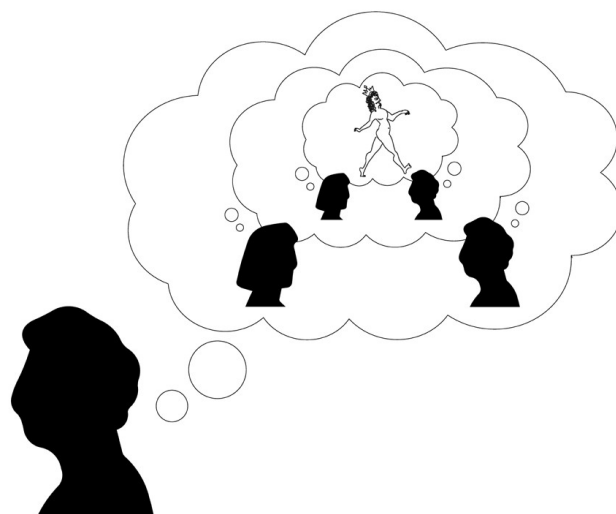
Tiếp theo, chúng ta có một trạng thái mà tôi tạm gọi là “tri thức qua lại” (reciprocal knowledge), trong đó mỗi người quan sát đều nhìn thấy sự việc và đồng thời thấy người kia cũng đang nhìn thấy nó. Tuy nhiên, vì cả hai chỉ bắt gặp nhau thông qua một lỗ khóa giấu kín, nên sự nhận biết ấy vẫn chưa đạt đến mức tri thức chung; không ai trong họ biết rằng đối phương đã nhìn thấy mình đang nhìn sự việc :



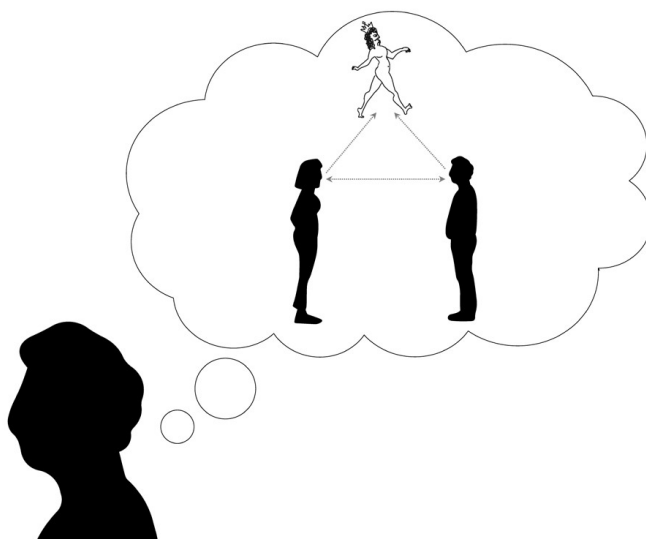
Bức minh họa cuối cùng mô tả tri thức chung. Ở đây, mỗi người không chỉ thấy người kia đang nhìn sự việc, mà còn thấy người kia nhìn thấy chính mình đang quan sát sự việc, từ đó họ có thể suy ra rằng mỗi bên đều có khả năng tiếp tục suy luận về việc “người này thấy người kia thấy người này thấy...” thêm bao nhiêu lớp cũng được, chừng nào họ còn muốn suy ngẫm:



Vậy trong đầu những người quan sát diễn ra điều gì khi họ rơi vào một tình huống tạo ra tri thức chung? Không nhất thiết phải hình dung nó như một chuỗi phản chiếu bất tận của “Anh biết rằng cô biết rằng anh biết rằng cô biết...”



Chỉ cần hai lớp suy nghĩ lồng nhau thôi cũng đủ khiến chúng ta thấy quay cuồng, trong khi tri thức chung lại đòi hỏi một chuỗi vô hạn như thế, điều mà rõ ràng không thể chứa nổi trong một hộp sọ hữu hạn. Rất có thể, đó chỉ là một trực giác đơn giản rằng sự việc ấy là “công khai”, hoặc “ở ngoài kia”, hoặc “ở đó để ai cũng thấy được”.



Mục tiêu của tôi trong cuốn sách này là làm sáng tỏ những nghiên cứu còn ít được biết đến nhưng có ý nghĩa lớn về tri thức chung, cùng với việc chia sẻ một số ý tưởng cá nhân, và cho thấy khái niệm này giúp lý giải nhiều điều tưởng như khó hiểu trong cả

đời sống xã hội và đời sống cá nhân. Những học giả mà tôi biết đã nghiên cứu về chủ đề này, các chuyên gia từ toán học, kinh tế học, triết học, ngôn ngữ học đến khoa học máy tính, đều thống nhất rằng đây là một khái niệm then chốt để hiểu về xã hội. Tuy vậy, việc truyền tải phát hiện này đến số đông độc giả không hề dễ dàng, và bản thân họ cũng thường tự hỏi làm sao bộ não con người có thể xử lý được một trạng thái nhận thức phức tạp đến vậy? Cuốn sách này, với góc nhìn tâm lý học và khoa học nhận thức, hướng tới việc bổ khuyết cho khoảng trống ấy.<sup>3</sup>

Sau đây là những ý tưởng chính. Thứ nhất, tri thức chung (theo nghĩa chuyên môn) về mặt logic khác hẳn tri thức riêng: Một điều khi được nói ra nơi công cộng, thì dù ai cũng biết, vẫn có thể thay đổi mọi thứ. Thứ hai, điều chính yếu mà tri thức chung có thể cải thiện là khả năng phối hợp: Khi từ hai người trở lên có tri thức chung thì họ có thể đưa ra những lựa chọn hỗ trợ cho nhau, những lựa chọn mà nếu chỉ dựa vào tri thức riêng, họ sẽ không tự tin thực hiện. Thứ ba, vì tri thức chung có sức mạnh như vậy, con người dường như nhạy cảm với nó một cách bản năng, như thể ta có một giác quan dành riêng cho khái niệm logic này. Thứ tư, chính trực giác đó đã cho phép loài người phối hợp hành vi trong các mạng lưới xã hội như các cộng đồng, nền kinh tế hay quốc gia. Nhờ thế, nhiều hiện tượng trong đời sống chung, từ nghi thức, quy ước đến chuẩn mực ứng xử, có thể được hiểu như giải pháp cho các vấn đề phối hợp. Điều này cũng giúp lý giải một số “căn bệnh” xã hội như mất nhất thời, đám đông quá khích, những cơn hoảng loạn tập thể, bong bóng kinh tế hay hiện tượng im lặng dầy chuyên. Thứ năm, các mối quan hệ cá nhân, như với gia đình, bạn bè, người thân, cấp trên, cấp dưới, hàng xóm, đồng nghiệp hay đối tác, đều là những “trò chơi phối hợp”, và cũng cần đến tri thức chung để được bền vững. Cuối cùng, bởi mọi trạng thái cân bằng phối hợp (coordination equilibrium) này đều đi kèm cả quyền lợi và nghĩa vụ, con người thường tìm cách lẩn tránh chúng bằng việc tự “làm ngơ” trước điều mà mọi người đều biết, từ đó nảy sinh những “nghi

thức” như giả vờ một cách vô hại, tỏ ra không biết, ngấm hiểu hoặc khéo léo lảng tránh. Nói cách khác, những tình trạng căng thẳng trong đời sống, từ quan hệ riêng tư đến chính trị, đều bắt nguồn từ mong muốn lan tỏa hoặc che giấu tri thức chung.



Vì tri thức chung đóng vai trò chủ đạo trong cuốn sách, tôi phải bắt đầu bằng một lời giải thích về bản thân thuật ngữ này, vốn sẽ được sử dụng theo một nghĩa khác với cách hiểu thông thường. Trong tiếng Anh thông thường, cụm từ *common knowledge* chỉ điều mà nhiều người hoặc hầu hết mọi người đều biết, đặc biệt là những “bí mật mà ai cũng biết”, chẳng hạn: “Ai cũng biết là cảnh sát quanh đây có thể bị mua chuộc.” Điều này gần như đi ngược lại với nghĩa chuyên môn trong lý thuyết trò chơi và triết học mà chúng ta sẽ khám phá trong cuốn sách này. Tương tự, tri thức chung theo nghĩa chuyên môn cũng không khớp với nghĩa đen của chính nó, tức “tri thức mà mọi người có chung”, bởi điều đó có thể chỉ đề cập đến tri thức riêng giống hệt nhau, khi mọi người biết cùng một điều nhưng không nhất thiết biết rằng người khác cũng biết điều đó.

Có một thuật ngữ dễ hiểu hơn là *hiểu biết lẫn nhau* (*mutual knowledge*), hàm ý rằng mọi người thường chủ đích sao chép hoặc góp chung tri thức. Các nhà ngôn ngữ học đôi khi dùng thuật ngữ này để chỉ tri thức chung giữa hai người trong một cuộc hội thoại, và đó cũng là cách gọi tôi sử dụng trong *The Stuff of Thought*.<sup>4</sup> Nhưng trong phần lớn các tài liệu chuyên môn, hiểu biết lẫn nhau đã dần chuyển sang nghĩa khác, hoặc là tri thức riêng được phổ biến rộng rãi (như hình minh họa đầu tiên phía trên), hoặc là các lớp tri thức qua lại (như hình minh họa thứ hai).<sup>5</sup> Những thuật ngữ khác cho tri thức chung gồm *tri thức mở* (*open knowledge*), *tri thức hiển nhiên* (*conspicuous knowledge*), *tri thức công cộng* (*public knowledge*), *tri thức tương tác* (*interactive knowledge*), *thực tại chung* (*shared reality*), *nhận thức chung* (*shared awareness*), *ý thức tập thể* (*collective consciousness*) và *nền tảng chung* (*common ground*). Tuy

nhiên, thuật ngữ *tri thức chung*, dù đôi khi gây hiểu lầm, đã trở nên phổ biến trong giới chuyên môn, và tôi sẽ giữ nguyên cách gọi này.

May thay, việc thừa nhận thuật ngữ này đã mở ra cơ hội để giới thiệu sức mạnh của tri thức chung trong đời sống con người, bắt đầu từ chính lĩnh vực ngôn ngữ. Khi xét đến những từ ngữ đã có ý nghĩa cố định, logic hay ngữ pháp đôi khi không còn quan trọng. Chẳng ai quan tâm rằng *awful* không còn nghĩa là “đây sự kinh ngạc” hay *bathroom* không nhất thiết phải là “một căn phòng có bồn tắm”. Như Voltaire từng châm biếm, Thánh Chế La Mã vừa không thần thánh, vừa không La Mã, lại càng không phải một đế chế. Một từ hoặc một ngữ cố định có một ý nghĩa nào đó không phải bởi người ta suy ra ý nghĩa này từ các bộ phận của từ ngữ mà đơn giản là bởi họ mong đợi rằng mọi người khác đều diễn giải nó theo cách mà mình diễn giải.<sup>6</sup>

Mục đích của ngôn ngữ là để *phối hợp* hành vi của chúng ta – bạn đưa cho tôi hạt tiêu khi tôi muốn hạt tiêu và đưa muối khi tôi muốn muối. Ngôn ngữ cho phép chúng ta làm được điều này vì nó là một *quy ước*, một thỏa thuận ngầm giữa các thành viên trong cộng đồng ngôn ngữ về việc sử dụng các từ cụ thể để chỉ các khái niệm cụ thể. Trong trường hợp này, âm [ˈpeɪpə] (pepper) sẽ dùng để chỉ hạt tiêu và [sɔlt] (salt) để chỉ muối, mặc dù lẽ ra có thể ngược lại nếu người nói tiếng Anh ngày xưa quy ước gán nghĩa theo cách ngược lại. Tôi có thể xin muối mà không lo nhầm vì tôi biết bạn hiểu từ này giống tôi, và quan trọng hơn, bạn biết rằng tôi biết điều đó – nếu bạn biết *salt* là “muối” nhưng nghĩ rằng tôi hiểu *salt* là “hạt tiêu”, bạn sẽ đưa hạt tiêu cho tôi thay vì muối. Và tôi biết bạn biết rằng tôi biết điều đó, rồi vòng suy nghĩ này sẽ cứ thế kéo dài vô tận.

Kể từ khi nhà ngôn ngữ học Noam Chomsky chú ý đến sự phức tạp của cú pháp, ngôn ngữ của loài người đã khơi dậy sự kinh ngạc bởi số lượng khổng lồ các ý nghĩa mà ta có thể diễn đạt chỉ bằng cách ghép từ thành câu.<sup>7</sup> Nhưng sức mạnh của một từ đơn lẻ trong việc kết nối tâm trí con người cũng không kém phần ấn

tượng. Nhà thơ Craig Morgan Teicher từng viết: “Nói là một hành động thể hiện niềm tin tuyệt đối. Làm sao chúng ta biết rằng khi tôi nói từ *chuột*, bạn không nghĩ tới biển báo dừng? Phản ứng hiển nhiên trước câu hỏi như vậy là bất cứ ai hỏi câu đó đều đang suy nghĩ quá phức tạp về một ý tưởng giản đơn.”<sup>8</sup> Một phản ứng ít rõ ràng hơn là: Nghĩa của một từ trong một ngôn ngữ là tri thức chung của những người sử dụng ngôn ngữ đó. Trẻ em từ đâu đã ngầm tiếp nhận điều này; thật khó tưởng tượng chúng có thể học ngôn ngữ nếu luôn phải lo lắng rằng từ *mouse* nghĩa là “chuột” với chúng nhưng lại là “biển báo dừng” với người khác, hoặc mang những ý nghĩa khác với những người khác nữa.<sup>9</sup> Các thí nghiệm của các nhà tâm lý học Gil Diesendruck và Lori Markson đã chứng minh rằng trẻ em hoàn toàn không lo lắng về điều này. Họ dạy trẻ ba tuổi những từ chỉ những vật lạ, chẳng hạn *mef* để chỉ cái khuôn làm há cảo, và thấy rằng trẻ ngay lập tức cho rằng người lạ cũng hiểu nghĩa từ đó. Điều này không có nghĩa là trẻ nhầm lẫn kiến thức của mình với kiến thức của người khác: Khi trẻ ba tuổi được dạy một *dữ kiện* mới về một vật thể (như “con mèo của tôi thích chơi với nó”), chúng không cho rằng người lạ biết dữ kiện đó.<sup>10</sup> Điều này cho thấy từ ngữ là hình thức sớm nhất và phổ biến nhất của tri thức chung trong đời sống con người.



Thành ngữ “to be on speaking terms” (có thể nói chuyện/giữ quan hệ với nhau) nhắc nhở chúng ta rằng ngôn ngữ là hoạt động xã hội tinh túy, và logic của các quy ước ngôn ngữ mở ra cánh cửa cho những câu hỏi về các vấn đề còn lại của tính xã hội của chúng ta. Vấn đề cơ bản nhất là tại sao chúng ta lại có tính xã hội ngay từ đầu. Con người trò chuyện, làm việc, vui chơi, xây dựng và học hỏi theo nhóm, dù có quan hệ huyết thống hay không. Đây là một điều hiếm thấy ở các loài động vật, vốn chủ yếu gắn kết với nhau bằng quan hệ máu mủ. Những lợi thế tiến hóa của việc tụ tập cùng nhau để người này có thể giúp đỡ người kia là gì?

Các nhà sinh học tiến hóa lý giải điều này bằng cách phân biệt hai khả năng về lợi ích mà cá thể tham gia giúp đỡ nhận được. Khi một sinh vật giúp mang lại lợi ích cho sinh vật khác nhưng bản thân lại chịu tổn thất, đó được gọi là *lòng vị tha*. Những ai đọc tác phẩm kinh điển *The Selfish Gene* (Gen vị kỷ, 1976) của Richard Dawkins hoặc các sách nghiên cứu về vấn đề hợp tác sau này đều biết rằng lòng vị tha là một câu đố lớn trong sinh học vì nó bề ngoài dường như không thể tiến hóa thông qua chọn lọc tự nhiên. Tại sao khi lại dành công sức chăm sóc lòng và hy sinh thời gian để gỡ ký sinh trùng cho nhau, trong khi một con khi vị kỷ chỉ hưởng lợi từ sự chăm sóc ấy mà không hề đáp trả, chiếm ưu thế hơn những con khi rộng lượng trong đàn và truyền gen vị kỷ cho thế hệ sau, cuối cùng khiến hành vi chăm sóc lòng có nguy cơ biến mất?

Giải pháp chung cho câu đố này là lòng vị tha qua lại,<sup>i</sup> nghĩa là bắt đầu bằng việc hợp tác (trong trường hợp này là chăm sóc lòng cho cá thể khác khi được yêu cầu), và sau đó đối xử với đối tượng khác theo cách họ đã đối xử với mình: hợp tác với những ai đã hợp tác, và từ chối hợp tác (trong trường hợp này là từ chối chăm sóc lòng) với những ai đã không hợp tác.<sup>11</sup> Vấn đề này có thể được mô hình hóa trong lý thuyết trò chơi dưới dạng Song đề Tù nhân, một kịch bản giả định mà trong đó hai kẻ đồng phạm không liên lạc được với nhau buộc phải phản bội đối phương vì sợ bị phản bội, dẫn đến tình huống cả hai cùng chịu thiệt nhiều hơn so với việc hợp tác (Chương 3 sẽ bàn sâu hơn về song đề này). Khi các “đồng phạm” rơi vào tình huống này nhiều lần, các chiến lược vị tha qua lại (“ăn miếng trả miếng”) thường vượt trội hơn so với các phương án lợi dụng người khác, vì những kẻ gian lận cuối cùng sẽ bị loại khỏi các cơ hội hợp tác có lợi.<sup>12</sup>

---

i. Reciprocal altruism, có nơi dịch là “lòng vị tha tương hỗ”. Trong sách này, xin phép dịch là “lòng vị tha qua lại”. (ND)

Các nhà tâm lý học chỉ ra rằng một số năng lực tinh thần của chúng ta – như ký ức về người khác và những gì họ đã làm với chúng ta, cảm giác công bằng, và các cảm thức đạo đức (moral sentiments) như sự cảm thông, lòng biết ơn và cơn giận dữ – dường như được thiết lập để thực hiện một kiểu chiến lược qua lại, và có thể tiến hóa như những cơ chế thích nghi đối với vấn đề hợp tác trên tinh thần vị tha. Đối với con người, điều này không được thể hiện qua việc chăm sóc lòng như loài khỉ mà qua vô số cách chúng ta áp dụng để trao đổi hàng hóa, dịch vụ và ơn huệ như đổi chác hàng hóa, đi chung xe hay trông trẻ. Sự cảm thông khiến chúng ta sẵn sàng hợp tác ngay từ lần đầu, lòng biết ơn thúc đẩy chúng ta đáp lại hợp tác bằng hợp tác, còn cơn giận khiến chúng ta trả đũa sự không hợp tác bằng hành vi tương ứng.

Câu chuyện này giờ đã trở nên quen thuộc; bản thân tôi cũng từng kể nó trong năm cuốn sách.<sup>13</sup> Nó gây ấn tượng với chúng ta không chỉ vì giải quyết được một nghịch lý tiến hóa, mà còn vì đã làm sáng tỏ một khía cạnh then chốt trong đời sống con người: các sự việc nghiêm trọng về sự công bằng, nợ nần, nghĩa vụ, trao đổi, tội lỗi, sự trân trọng và phản bội. Mãi gần đây tôi mới nhận ra rằng câu chuyện về hợp tác chỉ phản ánh một mặt của lý do khiến con người trở thành sinh vật xã hội. Mặt còn lại chính là *sự phối hợp* giữa các cá thể.<sup>14</sup>

Khi một sinh vật mang lại lợi ích cho sinh vật khác, điều đó không hẳn có nghĩa là nó phải chịu thiệt; đôi khi chính nó cũng được hưởng lợi. Các nhà sinh vật học gọi dạng giúp đỡ này là cộng sinh (mutualism), chẳng hạn như việc ngựa vằn cho phép chim chích gõ ve trên lưng mình. Trong mối quan hệ này, cả hai bên đều được lợi (tất nhiên là trừ lũ ve); chim chích có thức ăn còn ngựa vằn bớt bị lũ ve quấy rầy. Trường hợp này không cần đến sự qua lại: chim chích không đòi ngựa vằn gỡ ve cho mình để “trả nợ”. Do đó, cộng sinh không mang tính vị tha. Cả hai đều thu được lợi ích rõ ràng từ mối quan hệ nên mỗi bên đều có cơ sở để duy trì và phát